

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **80** /2014/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **31** tháng 12 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 42
	Ngày: 12/1 .. Về việc
	Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Quy định vận hành, khai thác và quản lý
mạng tin học điện rộng tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 825/TTr-STTTT ngày 12 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định vận hành, khai thác và quản lý mạng tin học điện rộng tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 43/2010/QĐ-UBND ngày 28/10/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế về vận hành, khai thác và quản lý mạng tin học điện rộng tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ TT&TT;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL;
- VP: CVP, PCVP Đ.N.Trân;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, DL.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ



QUY ĐỊNH

Vận hành, khai thác và quản lý mạng tin học diện rộng tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số **80** /2014/QĐ-UBND ngày **31** /12/2014
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về vận hành, khai thác và trách nhiệm quản lý của cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với mạng tin học diện rộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, bao gồm các đơn vị trực thuộc; các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế, bao gồm các phòng, ban chuyên môn có trụ sở nằm ngoài UBND các huyện, thị xã; các cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội; UBND các phường, xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi là đơn vị) tham gia kết nối vào mạng tin học diện rộng tỉnh Thừa Thiên Huế nhằm mục đích đảm bảo tính đồng bộ, an ninh, an toàn, khai thác có hiệu quả và phục vụ tốt cho việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Mạng tin học diện rộng tỉnh Thừa Thiên Huế

Mạng tin học diện rộng (WAN) tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là mạng diện rộng) là mạng tin học được thiết lập bằng cách kết nối giữa Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử tỉnh (EDIC) với các mạng nội bộ (mạng LAN) của các cơ quan, đơn vị thông qua mạng viễn thông; đồng thời kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng và Nhà nước nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh; việc trao đổi thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ và công tác quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Hạ tầng kỹ thuật, phần mềm ứng dụng và các dịch vụ cơ bản sử dụng trên mạng diện rộng.

1. Hạ tầng kỹ thuật: là tập hợp thiết bị tính toán (máy chủ, máy trạm, máy tính cá nhân), thiết bị ngoại vi, thiết bị kết nối mạng, thiết bị phụ trợ (sau đây gọi tắt là thiết bị) gồm:

- Máy chủ (Server), bao gồm các máy chủ ảo hóa;

- Máy tính cá nhân các loại (PC, xách tay);
 - Máy in các loại (Printer);
 - Máy quét (Scan);
 - Thiết bị mạng;
 - Thiết bị lưu giữ điện (UPS);
 - Thiết bị lưu trữ số liệu (USB Disk, Flash Ram);
 - Thiết bị kết nối mạng diện rộng;
 - Thiết bị truyền tin (Router, Switch, Hub, Modem...);
 - Thiết bị bảo mật chuyên dụng (Firewall);
 - Các thiết bị truyền thông khác có liên quan.
2. Phần mềm ứng dụng bao gồm:
- Quản lý văn bản và điều hành;
 - Đăng ký xếp lịch và phát hành Giấy mời qua mạng;
 - Quản lý hồ sơ một cửa;
 - Theo dõi tiếp dân và giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo;
 - Quản lý, theo dõi ý kiến chỉ đạo và văn bản ban hành;
 - Trang Thông tin điện tử của các đơn vị;
 - Hệ thống thông tin GisHue;
 - Các phần mềm ứng dụng khác có liên quan.
3. Các dịch vụ cơ bản bao gồm:
- Dịch vụ chứng thực người dùng (LDAP)
 - Dịch vụ phân giải tên miền (DNS);
 - Dịch vụ tải và truyền tài liệu, tập tin có liên quan;
 - Dịch vụ quản lý trang chủ (Web Page, Web Hosting);
 - Dịch vụ truy cập từ xa;
 - Dịch vụ Giám sát thông lượng mạng;
 - Dịch vụ Thư điện tử (E-mail);
 - Dịch vụ ảo hóa;
 - Một số dịch vụ khác có liên quan.
- Điều 5. Vận hành mạng diện rộng**
1. Mạng diện rộng do Sở Thông tin và Truyền thông thống nhất quản lý. Trung

tâm Thông tin dữ liệu điện tử Thừa Thiên Huế đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông là Trung tâm điều phối mọi hoạt động và là nơi lưu trữ tập trung các hệ thống cơ sở dữ liệu, các phần mềm dùng chung, các dịch vụ cơ bản và hệ thống thư điện tử được quy định tại Điều 3 của Quy định này.

2. Các thiết bị và phần mềm có liên quan được UBND tỉnh trang cấp cho các đơn vị để tham gia vào mạng diện rộng là tài sản của Nhà nước được giao cho các đơn vị sử dụng, được Sở Thông tin và Truyền thông thống nhất quản lý.

3. Giao thức kết nối mạng giữa các mạng tin học tham gia vào mạng diện rộng là giao thức TCP/IP.

4. Mạng diện rộng là mạng riêng, tuân theo chuẩn INTRANET, có địa chỉ IP, tên miền và các tham số mạng được cấp theo Phụ lục I, Phụ lục II (kèm theo Quy định này) và quản lý thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh.

Chương II

TỔ CHỨC KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ MẠNG TIN HỌC DIỆN RỘNG

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Là cơ quan trực tiếp quản lý mạng tin học diện rộng.

2. Xây dựng hồ sơ, quy chế về quản lý, bảo trì, khai thác các thiết bị, máy chủ, phần mềm đặt tại Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử Thừa Thiên Huế.

3. Đảm bảo việc cung cấp và trao đổi thông tin các phần mềm dùng chung, hệ thống thư điện tử, các dịch vụ cơ bản kịp thời, nhanh chóng, chính xác phục vụ cho việc quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh thông qua mạng diện rộng.

4. Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy định thống nhất về việc gửi, nhận văn bản trên mạng diện rộng; tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm dùng chung của tỉnh.

5. Hướng dẫn thống nhất chuẩn CNTT và thống nhất việc triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; có trách nhiệm lập kế hoạch hàng năm cho công tác vận hành và phát triển các ứng dụng trên mạng diện rộng.

6. Hàng năm, tổ chức họp giao ban với các đơn vị kết nối mạng để rà soát, phổ biến những thông tin mới về công tác vận hành; phối hợp triển khai các phần mềm ứng dụng trên mạng, tổ chức tập huấn cho cán bộ chuyên trách CNTT cho các cơ quan, đơn vị để cập nhật những kiến thức quản trị hệ thống trong việc sử dụng và khai thác có hiệu quả mạng diện rộng.

7. Có kế hoạch phối hợp với các đơn vị tư vấn tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo về an toàn, bảo mật mạng cho cán bộ chuyên trách CNTT tại các đơn vị.

8. Xây dựng tài liệu mô hình mạng LAN chuẩn và cung cấp địa chỉ IP, tên miền cho các đơn vị có tham gia kết nối mạng diện rộng.

9. Phối hợp với các đơn vị để bảo đảm kỹ thuật hệ thống mạng diện rộng vận hành thông suốt, phục vụ tốt cho việc truyền, nhận thông tin thông qua mạng diện rộng giữa các đơn vị liên tục 24 giờ của tất cả các ngành trong tuần (24/7).

10. Hướng dẫn về công tác chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách CNTT, cán bộ quản trị mạng tại các đơn vị trong việc quản lý, vận hành, khai thác mạng diện rộng và mạng máy tính tại các đơn vị để khai thác có hiệu quả phục vụ tốt cho việc chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo.

11. Thường xuyên kiểm tra định kỳ hoạt động của mạng diện rộng và các thiết bị kết nối mạng diện rộng đã được lắp đặt tại đơn vị.

12. Nghiên cứu, đề xuất về công tác quản lý và tổ chức thực hiện các biện pháp phát triển mạng diện rộng, xác định chuẩn thông tin và CNTT đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn trên mạng.

13. Duy trì hoạt động thông suốt kết nối giữa các đơn vị tham gia mạng diện rộng và giữa mạng diện rộng với mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

14. Lập Sổ nhật ký theo dõi quá trình vận hành hệ thống mạng diện rộng.

15. Hàng quý báo cáo UBND tỉnh về hoạt động của mạng diện rộng.

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị tham gia kết nối mạng diện rộng

1. Trách nhiệm của các đơn vị:

a) Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức, phân công trách nhiệm cụ thể cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT; ban hành quy định, quy chế quản lý mạng nội bộ (LAN) tại đơn vị mình theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông;

b) Thủ trưởng các đơn vị là người chịu trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức thông tin và tính chính xác của thông tin khi cập nhật và truyền trên mạng diện rộng; chịu trách nhiệm về sự phân công cán bộ chuyên trách CNTT để quản trị tốt mạng máy tính tại đơn vị;

c) Cử cán bộ chuyên trách CNTT tham gia đầy đủ các buổi tập huấn về quản lý, quản trị mạng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức hoặc cử đi đào tạo nghiệp vụ quản trị mạng theo các chương trình phù hợp.

2. Trách nhiệm của cán bộ chuyên trách CNTT tại các đơn vị:

a) Tham gia đầy đủ các hội nghị, buổi tập huấn, chương trình đào tạo do Tỉnh tổ chức hoặc ủy quyền Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức;

b) Thiết lập địa chỉ IP và quyền truy cập của máy trạm tham gia vào hệ thống mạng LAN của đơn vị theo quy định;

c) Khi có sự cố về các thiết bị, phần mềm, dịch vụ kết nối mạng diện rộng, cán bộ chuyên trách CNTT có trách nhiệm thông báo về bộ phận quản trị mạng diện rộng của Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện hoặc được hướng dẫn

thực hiện việc sửa chữa, bảo trì;

d) Máy chủ tại đơn vị không được nối với các mạng tin học khác không phù hợp với các chuẩn thông tin của mạng diện rộng;

đ) Không được cho phép bất kỳ các công ty, đơn vị hoặc người không có trách nhiệm và không có chức năng bảo hành hệ thống mạng trực tiếp xử lý và khắc phục các sự cố của các thiết bị có liên quan đến mạng diện rộng;

e) Cán bộ chuyên trách CNTT hoặc cán bộ quản trị mạng của đơn vị mới được làm việc trực tiếp trên máy chủ kết nối mạng diện rộng và không tự ý cài đặt các phần mềm ứng dụng của đơn vị mình lên hệ thống máy chủ khi chưa có sự đồng ý của Thủ trưởng đơn vị;

g) Cán bộ chuyên trách CNTT tại đơn vị có trách nhiệm đề xuất Thủ trưởng đơn vị đầu tư chương trình diệt virus để cài đặt tại đơn vị; thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống virus mới và cập nhật những phiên bản phần mềm diệt virus mới.

h) Lập Sổ nhật ký để theo dõi quá trình hoạt động của máy chủ, các thiết bị kết nối mạng tại đơn vị tham gia kết nối mạng diện rộng.

Chương III

KHAI THÁC THÔNG TIN TRÊN MẠNG DIỆN RỘNG

Điều 8. Thông tin truyền nhận trên mạng diện rộng

Các thông tin được truyền nhận trên mạng diện rộng của tỉnh bao gồm:

1. Công báo Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật của Tỉnh được cập nhật hàng ngày.

2. Hệ thống cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội tổng hợp theo định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, năm) của UBND tỉnh và các đơn vị.

3. Các văn bản phục vụ công tác điều hành, giao dịch giữa UBND tỉnh với các đơn vị và giữa các đơn vị tham gia vào mạng diện rộng.

4. Thông tin chuyên đề về các lĩnh vực như: kinh tế, khoa học công nghệ, văn hoá xã hội, y tế, giáo dục, đào tạo và các lĩnh vực khác có liên quan; tình hình đầu tư của các dự án trong và ngoài nước, tiềm năng, triển vọng của tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Hệ thống Thư điện tử của tỉnh theo tên miền mail.thuathienhue.gov.vn.

6. Hệ thống cơ sở dữ liệu GIS Hue.

7. Các phần mềm dùng chung của tỉnh và các phần mềm ứng dụng khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

8. Các nội dung thông tin khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 9. Các thông tin mật

Các văn bản có nội dung mật được quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 10. Khai thác thông tin

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các đơn vị tham gia mạng diện rộng được cấp tài khoản người dùng để truy cập vào mạng diện rộng, phải chịu trách nhiệm bảo đảm bí mật của tài khoản được cấp và được phân quyền khai thác cơ sở dữ liệu, dịch vụ, phần mềm ứng dụng trên mạng theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các đơn vị tham gia mạng diện rộng không được truy cập vào các trang thông tin có nội dung thông tin không lành mạnh, mang tính phản động; không tải các nội dung không rõ nguồn gốc tránh tình trạng virus sẽ lây lan qua hệ thống mạng LAN và mạng diện rộng.

3. Hàng ngày, cán bộ, công chức, viên chức thuộc các đơn vị tham gia mạng diện rộng có trách nhiệm truy cập vào mạng diện rộng để khai thác thông tin phục vụ công tác; thực hiện việc gửi, nhận, trao đổi và xử lý văn bản, giấy tờ hành chính thông qua mạng nhằm hạn chế từng bước việc dùng văn bản, giấy tờ hành chính trong truyền đạt thông tin, giải quyết công việc có liên quan.

4. Thông tin cập nhật vào mạng diện rộng phải soạn thảo theo bộ mã các ký tự chữ Việt theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001 (Unicode).

Điều 11. Tính pháp lý của các thông tin trên mạng diện rộng

1. Giá trị pháp lý của các thông tin, văn bản được lưu giữ trên mạng diện rộng được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP.

2. Đồng thời với việc truyền các văn bản trên mạng diện rộng, các đơn vị vẫn phải giữ văn bản trên giấy theo phương thức truyền thống và lưu trữ theo quy định hiện hành về công tác lưu trữ.

3. Các thông tin khai thác từ mạng diện rộng nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền xác thực tính chính xác thì chỉ có giá trị tham khảo.

Chương IV

SỬ DỤNG THIẾT BỊ TIN HỌC THAM GIA MẠNG DIỆN RỘNG

Điều 12. Sử dụng máy chủ và thiết bị kết nối mạng diện rộng

1. Máy chủ và thiết bị kết nối mạng phải được lắp đặt trong phòng riêng biệt, thoáng mát và do cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT có trách nhiệm trực tiếp quản lý, theo dõi quá trình hoạt động.

2. Những người không có trách nhiệm không được tự ý vào phòng máy chủ, hoặc khởi động cũng như tắt máy, thay đổi tên miền các phần mềm dùng chung, dịch vụ cơ bản và địa chỉ IP của máy chủ nếu không có sự đồng ý của cán bộ hoặc

bộ phận chuyên trách CNTT.

3. Không tự ý thay đổi vị trí thiết bị kết nối mạng diện rộng và các thông số về mạng như: địa chỉ lớp mạng diện rộng, các thông số kết nối mạng LAN và Internet để tránh sự xung đột địa chỉ.

4. Sử dụng thiết bị lưu trữ điện UPS thông minh để cấp điện cho máy chủ và thiết bị kết nối mạng diện rộng.

5. Các thiết bị ngoại vi không được kết nối trực tiếp với máy chủ tham gia hệ thống mạng diện rộng.

6. Bảo quản tốt các thiết bị do Tình trạng bị để đảm bảo việc kết nối thông suốt đến Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử Thừa Thiên Huế. Các thiết bị kết nối mạng diện rộng hoạt động liên tục 24/7.

Điều 13. Sử dụng máy tính trạm có kết nối mạng LAN của đơn vị và chương trình cập nhật virus cho máy tính trạm

Máy tính trạm là các máy được trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ công việc hàng ngày có tham gia vào hệ thống mạng LAN và mạng diện rộng. Cán bộ, công chức, viên chức sử dụng máy trạm tham gia vào hệ thống mạng LAN phải tuân thủ các yêu cầu sau:

1. Thiết lập địa chỉ IP theo quy định của UBND tỉnh do cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT tại đơn vị thiết lập; không tự ý thay đổi địa chỉ IP khi chưa có ý kiến của cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT tại đơn vị đó.

2. Cài đặt chương trình diệt virus theo cơ chế tự động cập nhật phần mềm diệt virus và cơ sở dữ liệu phòng chống virus từ máy chủ, nếu phát hiện thấy virus lạ không diệt được thì phải kịp thời thông báo cho cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT biết để khắc phục, tránh tình trạng để virus lây lan trên toàn bộ hệ thống mạng LAN và mạng diện rộng.

Chương V

QUY ĐỊNH BẢO MẬT

Điều 14. Bảo mật hệ thống mạng diện rộng

1. Các thiết bị kết nối mạng diện rộng, địa chỉ IP của mạng diện rộng do Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm quản lý và giữ mật khẩu.

2. Địa chỉ IP của máy trạm, máy chủ, thiết bị kết nối mạng nội bộ của đơn vị do các đơn vị có nhiệm vụ quản lý và bảo vệ.

3. Các thông tin, dữ liệu dùng chung lưu trữ trên mạng diện rộng phải được định kỳ sao chép lên các thiết bị lưu trữ và thực hiện lưu trữ theo quy định hiện hành.

4. Các đơn vị, cá nhân tham gia mạng diện rộng không được tiết lộ phương thức (tên đăng ký, mật khẩu, tiện ích, tệp hỗ trợ và các cách thức khác) để truy

nhập vào mạng diện rộng cho tổ chức, cá nhân khác; không được tìm cách truy nhập dưới bất cứ hình thức nào vào các khu vực không được phép truy cập; không được sửa đổi các thông tin trên mạng diện rộng nếu chưa được trao quyền.

5. Việc trao đổi thông tin có nội dung mật trên mạng được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 15. Bảo mật tại các máy chủ tham gia kết nối vào mạng diện rộng

1. Người được giao nhiệm vụ quản lý quyền và mật khẩu của máy chủ có trách nhiệm tạo mã người sử dụng và mật khẩu, cấp quyền sử dụng các tài nguyên trên máy. Mỗi người sử dụng phải có trách nhiệm giữ bí mật mã người sử dụng và mật khẩu đã được cấp. Trong trường hợp người sử dụng tạm thời vắng mặt không được giao lại mã người sử dụng và mật khẩu cho người khác sử dụng khi chưa được sự đồng ý của người sử dụng máy đó. Trường hợp người sử dụng không còn làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải bàn giao toàn bộ quyền quản lý, bao gồm mật khẩu sử dụng trên máy và tất cả các tài liệu, thiết bị, thông tin trên máy, các bản sao lưu đi kèm cho người thay thế. Người thay thế phải thay mã sử dụng và mật khẩu mới khác với mã và mật khẩu được tiếp nhận.

2. Mật khẩu thiết lập cho các tài khoản quản trị máy chủ có độ dài tối thiểu 09 ký tự.

3. Các đơn vị phải xây dựng hệ thống bảo đảm an toàn chống truy cập trái phép từ bên ngoài cũng như từ bên trong cơ quan vào mạng nội bộ của đơn vị và mạng diện rộng.

4. Khi có vấn đề trực trặc trên đường truyền, cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT có trách nhiệm thông báo về Sở Thông tin và Truyền thông để cùng phối hợp kiểm tra và sửa chữa.

Điều 16. Bảo mật tại các máy trạm tham gia kết nối vào mạng diện rộng

1. Máy tính của lãnh đạo đơn vị và máy tính của các cán bộ, công chức, viên chức phải được thiết lập mật khẩu để khởi động máy. Trường hợp người sử dụng không thể tự cài đặt được mức bảo mật này phải liên hệ với cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT để được hỗ trợ cài đặt.

2. Người sử dụng tự quản lý và bảo mật các thông tin được lưu trên máy tính thông qua việc đặt các quyền truy cập vào từng danh mục dữ liệu trên máy đó khi nối mạng. Không được tự ý xóa các thông tin từ các máy khác trên mạng.

3. Việc sử dụng máy tính dùng để soạn thảo, lưu trữ văn bản, tài liệu bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH


Điều 17. Trách nhiệm thực hiện

Cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị khi tham gia vào hệ thống mạng diện rộng có trách nhiệm chấp hành nghiêm túc Quy định này. Lãnh đạo các đơn vị tham gia vào hệ thống có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về những vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị trong quá trình tham gia điều hành, khai thác hệ thống mạng. Tùy theo mức độ vi phạm, cán bộ vi phạm chịu kỷ luật, xử lý hành chính hoặc trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Bổ sung, điều chỉnh Quy định

Trong quá trình quản lý và khai thác thông tin trên mạng diện rộng, nếu có vấn đề nảy sinh mà chưa được quy định rõ trong Quy định này thì Thủ trưởng các đơn vị đề xuất (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Thọ



PHỤ LỤC I

Tên miền của các cơ quan nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 80/2014/QĐ-UBND ngày 01 / 12 /2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Đơn vị	Tên miền trên WAN
1	Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế	
2	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	thuathienhue.egov.vn
	Các cơ quan chuyên môn	
3	Văn phòng UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	vpubnd.thuathienhue.egov.vn
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	skhdt.thuathienhue.egov.vn
5	Sở Tài chính	stc.thuathienhue.egov.vn
6	Sở Khoa học và Công nghệ	skhcn.thuathienhue.egov.vn
7	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	sldtbxh.thuathienhue.egov.vn
8	Sở Tư pháp	stp.thuathienhue.egov.vn
9	Sở Xây dựng	sxd.thuathienhue.egov.vn
10	Sở Giao thông Vận tải	sgvtv.thuathienhue.egov.vn
11	Sở Công thương	sct.thuathienhue.egov.vn
12	Sở Nông nghiệp và PTNT	snnptnt.thuathienhue.egov.vn
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	stnmt.thuathienhue.egov.vn
14	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	svhttdl.thuathienhue.egov.vn
15	Sở Nội vụ	snv.thuathienhue.egov.vn
16	Sở Ngoại vụ	sngv.thuathienhue.egov.vn
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	sgddt.thuathienhue.egov.vn
18	Sở Y tế	syt.thuathienhue.egov.vn
19	Sở Thông tin và Truyền thông	stttt.thuathienhue.egov.vn
20	Thanh tra Tỉnh	thanhtra.thuathienhue.egov.vn
21	Ban Dân tộc	bdt.thuathienhue.egov.vn

	UBND cấp huyện	
22	UBND thành phố Huế	tphue.thuathienhue.egov.vn
23	UBND Thị xã Hương Thủy	huongthuy.thuathienhue.egov.vn
24	UBND thị xã Hương Trà	huongtra.thuathienhue.egov.vn
25	UBND huyện Phong Điền	phongdien.thuathienhue.egov.vn
26	UBND huyện Quảng Điền	quangdien.thuathienhue.egov.vn
27	UBND huyện Phú Vang	phuvang.thuathienhue.egov.vn
28	UBND huyện Phú Lộc	phuloc.thuathienhue.egov.vn
29	UBND huyện A Lưới	aluoi.thuathienhue.egov.vn
30	UBND huyện Nam Đông	namdong.thuathienhue.egov.vn
	UBND cấp phường, xã	
	Thành phố Huế	
31	UBND Phường An Cựu	ancuu.thuathienhue.egov.vn
32	UBND Phường An Đông	andong.thuathienhue.egov.vn
33	UBND Phường An Hòa	anhua.thuathienhue.egov.vn
34	UBND Phường An Tây	antay.thuathienhue.egov.vn
35	UBND Phường Hương Long	huonglong.thuathienhue.egov.vn
36	UBND Phường Hương Sơ	huongso.thuathienhue.egov.vn
37	UBND Phường Kim Long	kimlong.thuathienhue.egov.vn
38	UBND Phường Phú Bình	phubinh.thuathienhue.egov.vn
39	UBND Phường Phú Cát	phucac.thuathienhue.egov.vn
40	UBND Phường Phú Hậu	phuhau.thuathienhue.egov.vn
41	UBND Phường Phú Hiệp	phuhiep.thuathienhue.egov.vn
42	UBND Phường Phú Hòa	phuhoa.thuathienhue.egov.vn
43	UBND Phường Phú Hội	phuhoi.thuathienhue.egov.vn
44	UBND Phường Phú Nhuận	phunhuan.thuathienhue.egov.vn
45	UBND Phường Phú Thuận	phuthuan.tphue.thuathienhue.egov.vn
46	UBND Phường Phước Vĩnh	phuocvinh.thuathienhue.egov.vn

47	UBND Phường Phường Đúc	phuongduc.thuathienhue.egov.vn
48	UBND Phường Tây Lộc	tayloc.thuathienhue.egov.vn
49	UBND Phường Thuận Hòa	thuanhoa.thuathienhue.egov.vn
50	UBND Phường Thuận Lộc	thuanloc.thuathienhue.egov.vn
51	UBND Phường Thuận Thành	thuanthanh.thuathienhue.egov.vn
52	UBND Phường Thủy Biều	thuybieu.thuathienhue.egov.vn
53	UBND Phường Thủy Xuân	thuyxuan.thuathienhue.egov.vn
54	UBND Phường Trường An	truongan.thuathienhue.egov.vn
55	UBND Phường Vĩnh Ninh	vinhninh.thuathienhue.egov.vn
56	UBND Phường Vỹ Dạ	vyda.thuathienhue.egov.vn
57	UBND Phường Xuân Phú	xuanphu.thuathienhue.egov.vn
	Thị xã Hương Thủy	
58	UBND Phường Thủy Dương	thuyduong.thuathienhue.egov.vn
59	UBND Phường Thủy Lương	thuyluong.thuathienhue.egov.vn
60	UBND Phường Phú Bài	phubai.thuathienhue.egov.vn
61	UBND Phường Thủy Châu	thuychau.thuathienhue.egov.vn
62	UBND Phường Thủy Phương	thuyphuong.thuathienhue.egov.vn
63	UBND Xã Phú Sơn	phuson.thuathienhue.egov.vn
64	UBND Xã Thủy Phù	thuyphu.thuathienhue.egov.vn
65	UBND Xã Dương Hòa	duonghoa.thuathienhue.egov.vn
66	UBND Xã Thủy Thanh	thuythanh.thuathienhue.egov.vn
67	UBND Xã Thủy Vân	thuyvan.thuathienhue.egov.vn
68	UBND Xã Thủy Tân	thuytan.thuathienhue.egov.vn
69	UBND Xã Thủy Bằng	thuybang.thuathienhue.egov.vn
	Thị xã Hương Trà	
70	UBND Phường Tứ Hạ	tuha.thuathienhue.egov.vn
71	UBND Phường Hương An	huongan.thuathienhue.egov.vn
72	UBND Phường Hương Chữ	huongchu.thuathienhue.egov.vn

73	UBND Phường Hương Xuân	huongxuan.thuathienhue.egov.vn
74	UBND Phường Hương Vãn	huongvan01.thuathienhue.egov.vn
75	UBND Phường Hương Hồ	huongho.thuathienhue.egov.vn
76	UBND Phường Hương Vân	huongvan02.thuathienhue.egov.vn
77	UBND Xã Hồng Tiến	hongtien.thuathienhue.egov.vn
78	UBND Xã Hương Vinh	huongvinh.thuathienhue.egov.vn
79	UBND Xã Hải Dương	haiduong.thuathienhue.egov.vn
80	UBND Xã Hương Toàn	huongtoan.thuathienhue.egov.vn
81	UBND Xã Hương Phong	huongphong.huongtra.thuathienhue.egov.vn
82	UBND Xã Bình Thành	binhthanh.thuathienhue.egov.vn
83	UBND Xã Bình Điền	binhdien.thuathienhue.egov.vn
84	UBND Xã Hương Bình	huongbinh.thuathienhue.egov.vn
85	UBND Xã Hương Thọ	huongtho.thuathienhue.egov.vn
	Huyện Phong Điền	
86	UBND Thị trấn Phong Điền	ttphongdien.thuathienhue.egov.vn
87	UBND Xã Điền Lộc	dienloc.thuathienhue.egov.vn
88	UBND Xã Điền Hương	dienhuong.thuathienhue.egov.vn
89	UBND Xã Phong Xuân	phongxuan.thuathienhue.egov.vn
90	UBND Xã Phong Mỹ	phongmy.thuathienhue.egov.vn
91	UBND Xã Phong Bình	phongbinh.thuathienhue.egov.vn
92	UBND Xã Phong Hòa	phonghoa.thuathienhue.egov.vn
93	UBND Xã Phong Sơn	phongson.thuathienhue.egov.vn
94	UBND Xã Điền Môn	dienmon.thuathienhue.egov.vn
95	UBND Xã Điền Hải	dienhai.thuathienhue.egov.vn
96	UBND Xã Phong Hải	phonghai.thuathienhue.egov.vn
97	UBND Xã Phong Hiền	phonghien.thuathienhue.egov.vn
98	UBND Xã Điền Hòa	dienhoa.thuathienhue.egov.vn
99	UBND Xã Phong Thu	phongthu.thuathienhue.egov.vn

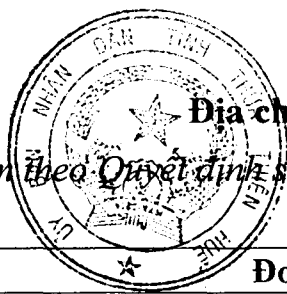
100	UBND Xã Phong Chương	phongchuong.thuathienhue.egov.vn
101	UBND Xã Phong An	phongan.thuathienhue.egov.vn
	Huyện Quảng Điền	
102	UBND Thị trấn Sịa	sia.thuathienhue.egov.vn
103	UBND Xã Quảng Ngạn	quangngan.thuathienhue.egov.vn
104	UBND Xã Quảng Công	quangcong.thuathienhue.egov.vn
105	UBND Xã Quảng Thái	quangthai.thuathienhue.egov.vn
106	UBND Xã Quảng Phú	quangphu.thuathienhue.egov.vn
107	UBND Xã Quảng Lợi	quangloi.thuathienhue.egov.vn
108	UBND Xã Quảng Thọ	quangtho.thuathienhue.egov.vn
109	UBND Xã Quảng An	quangan.thuathienhue.egov.vn
110	UBND Xã Quảng Vinh	quangvinh.thuathienhue.egov.vn
111	UBND Xã Quảng Thành	quangthanh.thuathienhue.egov.vn
112	UBND Xã Quảng Phước	quangphuoc.thuathienhue.egov.vn
	Huyện Nam Đông	
113	UBND Thị trấn Khe Tre	khetre.thuathienhue.egov.vn
114	UBND Xã Hương Lộc	huongloc.thuathienhue.egov.vn
115	UBND Xã Hương Phú	huongphu.thuathienhue.egov.vn
116	UBND Xã Hương Sơn	huongson.thuathienhue.egov.vn
117	UBND Xã Thượng Long	thuonglong.thuathienhue.egov.vn
118	UBND Xã Thượng Quảng	thuongquang.thuathienhue.egov.vn
119	UBND Xã Thượng Nhật	thuongnhat.thuathienhue.egov.vn
120	UBND Xã Hương Hữu	huonghuu.thuathienhue.egov.vn
121	UBND Xã Hương Giang	huonggiang.thuathienhue.egov.vn
122	UBND Xã Thượng Lộ	thuonglo.thuathienhue.egov.vn
123	UBND Xã Hương Hòa	huonghoa.thuathienhue.egov.vn
	Huyện Phú Vang	
124	UBND Thị trấn Thuận an	thuanan.thuathienhue.egov.vn

125	UBND Thị trấn Phú Đa	phuda.thuathienhue.egov.vn
126	UBND Xã Phú Dương	phuduong.thuathienhue.egov.vn
127	UBND Xã Phú Mỹ	phumy.thuathienhue.egov.vn
128	UBND Xã Phú Thanh	phuthanh.thuathienhue.egov.vn
129	UBND Xã Vinh Thái	vinhthai.thuathienhue.egov.vn
130	UBND Xã Vinh Thanh	vinhthanh.thuathienhue.egov.vn
131	UBND Xã Phú Xuân	phuxuan.thuathienhue.egov.vn
132	UBND Xã Vinh An	vinhan.thuathienhue.egov.vn
133	UBND Xã Phú Thượng	phuthuong.thuathienhue.egov.vn
134	UBND Xã Phú Diên	phudien.thuathienhue.egov.vn
135	UBND Xã Vinh Phú	vinhphu.thuathienhue.egov.vn
136	UBND Xã Phú Mậu	phumau.thuathienhue.egov.vn
137	UBND Xã Vinh Xuân	vinhxuan.thuathienhue.egov.vn
138	UBND Xã Phú An	phan.thuathienhue.egov.vn
139	UBND Xã Phú Thuận	phuthuan.phuvang.thuathienhue.egov.vn
140	UBND Xã Phú Hải	phuhai.thuathienhue.egov.vn
141	UBND Xã Phú Hồ	phuho.thuathienhue.egov.vn
142	UBND Xã Vinh Hà	vinhha.thuathienhue.egov.vn
143	UBND Xã Phú Lương	phuluong.thuathienhue.egov.vn
	Huyện Phú Lộc	
144	UBND Thị trấn Phú Lộc	tphuloc.thuathienhue.egov.vn
145	UBND Thị trấn Lăng Cô	langco.thuathienhue.egov.vn
146	UBND Xã Lộc Bình	locbinh.thuathienhue.egov.vn
147	UBND Xã Vinh Giang	vinhgiang.thuathienhue.egov.vn
148	UBND Xã Vinh Hưng	vinhhung.thuathienhue.egov.vn
149	UBND Xã Lộc Trì	loctri.thuathienhue.egov.vn
150	UBND Xã Vinh Hải	vinhhai.thuathienhue.egov.vn
151	UBND Xã Lộc Bôn	locbon.thuathienhue.egov.vn

152	UBND Xã Vinh Hiền	vinhhien.thuathienhue.egov.vn
153	UBND Xã Lộc Thủy	locthuy.thuathienhue.egov.vn
154	UBND Xã Lộc An	locan.thuathienhue.egov.vn
155	UBND Xã Lộc Vĩnh	locvinh.thuathienhue.egov.vn
156	UBND Xã Lộc Sơn	locson.thuathienhue.egov.vn
157	UBND Xã Lộc Hòa	lochoa.thuathienhue.egov.vn
158	UBND Xã Lộc Tiến	loctien.thuathienhue.egov.vn
159	UBND Xã Vinh Mỹ	vinhmy.thuathienhue.egov.vn
160	UBND Xã Lộc Điền	locdien.thuathienhue.egov.vn
161	UBND Xã Xuân Lộc	xuanloc.thuathienhue.egov.vn
	Huyện A Lưới	
162	UBND Thị trấn A Lưới	taluoi.thuathienhue.egov.vn
163	UBND Xã Hồng Thượng	hongthuong.thuathienhue.egov.vn
164	UBND Xã Hương Nguyên	huongnguyen.thuathienhue.egov.vn
165	UBND Xã Hương Lâm	huonglam.thuathienhue.egov.vn
166	UBND Xã Hồng Bắc	hongbac.thuathienhue.egov.vn
167	UBND Xã Hồng Trung	hongtrung.thuathienhue.egov.vn
168	UBND Xã Sơn Thủy	sonthuy.thuathienhue.egov.vn
169	UBND Xã Hồng Thái	hongthai.thuathienhue.egov.vn
170	UBND Xã Hồng Hạ	hongha.thuathienhue.egov.vn
171	UBND Xã A Đớt	adot.thuathienhue.egov.vn
172	UBND Xã A Ngo	ango.thuathienhue.egov.vn
173	UBND Xã Hương Phong	huongphong.aluoi.thuathienhue.egov.vn
174	UBND Xã Hồng Vân	hongvan.thuathienhue.egov.vn
175	UBND Xã Nhâm	nham.thuathienhue.egov.vn
176	UBND Xã Hồng Kim	hongkim.thuathienhue.egov.vn
177	UBND Xã Phú Vinh	phuvinh.thuathienhue.egov.vn
178	UBND Xã Đông Sơn	dongson.thuathienhue.egov.vn

179	UBND Xã Bắc Sơn	bacson.thuathienhue.egov.vn
180	UBND Xã Hồng Thủy	hongthuy.thuathienhue.egov.vn
181	UBND Xã Hồng Quảng	hongquang.thuathienhue.egov.vn
182	UBND Xã A Roàng	aroang.thuathienhue.egov.vn
	Các đơn vị khác	
183	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	vpqhhd.thuathienhue.egov.vn
184	UB MTTQVN tỉnh	ubmttqvn.thuathienhue.egov.vn
185	Trung tâm Công nghệ Thông tin	ttcntt.thuathienhue.egov.vn
186	BQL KKT Chân Mây – Lăng Cô	bqlkktcmlc.thuathienhue.egov.vn
187	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	bqlckcn.thuathienhue.egov.vn
188	Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế	ttbtdcdh.thuathienhue.egov.vn
189	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	dptth.thuathienhue.egov.vn
190	Ban Quản lý phát triển khu đô thị mới	bqlptkdtm.thuathienhue.egov.vn
191	Trung tâm Festival Huế	festival.thuathienhue.egov.vn
192	Nhà Xuất bản Thuận Hóa	nxbth.thuathienhue.egov.vn
193	Cục Thống kê	ctk.thuathienhue.egov.vn
194	Kho bạc Nhà nước tỉnh	kbnn.thuathienhue.egov.vn
195	Cục Thuế tỉnh	ct.thuathienhue.egov.vn
196	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	bchbdbp.thuathienhue.egov.vn
197	Công an tỉnh	ca.thuathienhue.egov.vn
198	Hải Quan tỉnh	hq.thuathienhue.egov.vn
199	Ban chỉ huy Phòng chống Lũ lụt bão và TKCN tỉnh	bchpclb.thuathienhue.egov.vn
200	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	bchqs.thuathienhue.egov.vn
201	Ban Đầu tư và Xây dựng tỉnh	btdxd.thuathienhue.egov.vn
202	Viện Quy hoạch xây dựng tỉnh	vqhxd.thuathienhue.egov.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



PHỤ LỤC II

Địa chỉ IP của các cơ quan nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 80 /2014/QĐ-UBND ngày 31 / 12 /2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Đơn vị	Khoảng IP	Subnet Mask
1	Văn phòng UBND tỉnh	10.238.1.0/24 - 10.238.9.0/24 10.238.254.0/24	255.255.255.0
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	10.238.10.0/24 -10.238.11.0/24	255.255.255.0
3	UB MTTQVN tỉnh	10.238.110.0/24	255.255.255.0
4	Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử Thừa Thiên Huế	10.238.12.0/24 -10.238.19.0/24	255.255.255.0
5	UBND Thành phố Huế và các đơn vị thuộc UBND Thành phố Huế	10.238.160.0/24-10.238.163.0/24	255.255.255.0
		10.238.201.0/24 -10.238.238.0/24	255.255.255.0
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10.238.20.0/24	255.255.255.0
7	Cục Thống kê	10.238.21.0/24	255.255.255.0
8	Sở Tài chính	10.238.22.0/24	255.255.255.0
9	Kho bạc Nhà nước tỉnh	10.238.23.0/24	255.255.255.0
10	Sở Khoa học và Công nghệ	10.238.24.0/24	255.255.255.0
11	Trường Cao Đẳng Sư phạm Huế	10.238.25.0/24	255.255.255.0
12	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	10.238.26.0/24	255.255.255.0
13	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	10.238.27.0/24	255.255.255.0
14	Sở Tư pháp	10.238.28.0/24	255.255.255.0
15	Công an tỉnh	10.238.29.0/24	255.255.255.0
16	Sở Xây dựng	10.238.30.0/24	255.255.255.0
17	Cục thuế tỉnh	10.238.31.0/24	255.255.255.0
18	Sở Giao thông Vận tải	10.238.32.0/24	255.255.255.0
19	Sở Công thương	10.238.34.0/24	255.255.255.0
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	10.238.36.0/24	255.255.255.0

21	Sở Tài nguyên và Môi trường	10.238.38.0/24	255.255.255.0
22	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cơ sở 2)	10.238.45.0/24	255.255.255.0
23	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	10.238.46.0/24	255.255.255.0
24	Sở Nội vụ	10.238.48.0/24	255.255.255.0
25	Sở Ngoại vụ	10.238.50.0/24	255.255.255.0
26	Sở Giáo dục và Đào tạo	10.238.52.0/24	255.255.255.0
27	Sở Y tế	10.238.54.0/24	255.255.255.0
28	Thanh tra Tỉnh	10.238.58.0/24	255.255.255.0
29	Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em	10.238.60.0/24	255.255.255.0
30	BQL các Khu công nghiệp	10.238.66.0/24	255.255.255.0
31		10.238.69.0/24	255.255.255.0
32	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	10.238.72.0/24	255.255.255.0
33	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	10.238.76.0/24	255.255.255.0
34	Sở Thông tin và Truyền thông	10.238.78.0/24	255.255.255.0
35	Ban Dân tộc	10.238.80.0/24	255.255.255.0
36	Ban Quản lý KKT Chân Mây – Lăng Cô	10.238.84.0/24	255.255.255.0
37	Ban Quản lý phát triển khu đô thị mới	10.238.86.0/24	255.255.255.0
38	Trung tâm Festival Huế	10.238.88.0/24	255.255.255.0
39	Nhà Xuất bản Thuận Hóa	10.238.90.0/24	255.255.255.0
40	Ban Thi đua khen thưởng - Sở Nội vụ	10.238.92.0/24	255.255.255.0
41	Hải Quan tỉnh	10.238.96.0/24	255.255.255.0
42	Ban chỉ huy Phòng chống Lũ bão và TKCN tỉnh	10.238.98.0/24	255.255.255.0
43	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	10.238.100.0/24	255.255.255.0
44	Ban Tôn giáo	10.238.102.0/24	255.255.255.0
45	Ban Đầu tư và Xây dựng tỉnh	10.238.104.0/24	255.255.255.0
46	Viện Quy hoạch xây dựng Tỉnh	10.238.106.0/24	255.255.255.0
47	Chi Cục quản lý thị trường	10.238.108.0/24	255.255.255.0
48	Thanh tra + Một cửa - Sở TNMT	10.238.170.0/24	255.255.255.0

49	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở TNMT	10.238.171.0/24	255.255.255.0
50	Chi cục Biển, đảo, đầm phá	10.238.172.0/24	255.255.255.0
51	Chi cục bảo vệ môi trường	10.238.173.0/24	255.255.255.0
52	Chi cục Quản lý đất đai	10.238.174.0/24	255.255.255.0
53	Chi cục văn thư lưu trữ TT Huế.	10.238.175.0/24	255.255.255.0
54	Trung tâm Công nghệ thông tin	10.238.199.0/24-10.238.200.0/24	255.255.255.0
55	UBND Thị xã Hương Thủy	10.238.128.0 - 10.238.131.0	255.255.255.0
56	Phòng Giáo dục - Đào tạo Hương Thủy	10.237.1.0/24	255.255.255.0
57	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hương Thủy	10.237.2.0/24	255.255.255.0
58	Phòng Tài nguyên Môi trường Hương Thủy	10.237.3.0/24	255.255.255.0
59	Phường Thủy Dương	10.237.20.0/24	255.255.255.0
60	Phường Thủy Lương	10.237.21.0/24	255.255.255.0
61	Phường Phú Bài	10.237.22.0/24	255.255.255.0
62	Phường Thủy Châu	10.237.23.0/24	255.255.255.0
63	Phường Thủy Phương	10.237.24.0/24	255.255.255.0
64	Xã Phú Sơn	10.237.25.0/24	255.255.255.0
65	Xã Thủy Phù	10.237.26.0/24	255.255.255.0
66	Xã Dương Hòa	10.237.27.0/24	255.255.255.0
67	Xã Thủy Thanh	10.237.28.0/24	255.255.255.0
68	Xã Thủy Vân	10.237.29.0/24	255.255.255.0
69	Xã Thủy Tân	10.237.30.0/24	255.255.255.0
70	Xã Thủy Bằng	10.237.31.0/24	255.255.255.0
71	UBND Thị xã Hương Trà	10.238.140.0 - 10.238.143.0	255.255.255.0
72	Phòng Giáo dục - Đào tạo Hương Trà	10.237.94.0/24	255.255.255.0
73	Phòng Tài chính Kế hoạch Hương Trà	10.237.95.0/24	255.255.255.0
74	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội Hương Trà	10.237.96.0/24	255.255.255.0
75	Phòng Nội vụ Hương Trà	10.237.97.0/24	255.255.255.0
76	Phòng Y tế Hương Trà	10.237.98.0/24	255.255.255.0

77	Phòng Văn hóa Thông tin Hương Trà	10.237.99.0/24	255.255.255.0
78	Ban đầu tư xây dựng – thị xã Hương Trà	10.237.100.0/24	255.255.255.0
79	Trạm khuyến nông – thị xã Hương Trà	10.237.101.0/24	255.255.255.0
80	Đài truyền thanh thị xã Hương Trà	10.237.102.0/24	255.255.255.0
81	Phường Tứ Hạ	10.237.109.0/24	255.255.255.0
82	Phường Hương An	10.237.110.0/24	255.255.255.0
83	Phường Hương Chũ	10.237.111.0/24	255.255.255.0
84	Phường Hương Xuân	10.237.112.0/24	255.255.255.0
85	Phường Hương Văn	10.237.113.0/24	255.255.255.0
86	Phường Hương Hồ	10.237.114.0/24	255.255.255.0
87	Phường Hương Vân	10.237.115.0/24	255.255.255.0
88	Xã Hồng Tiến	10.237.116.0/24	255.255.255.0
89	Xã Hương Vinh	10.237.117.0/24	255.255.255.0
90	Xã Hải Dương	10.237.118.0/24	255.255.255.0
91	Xã Hương Toàn	10.237.119.0/24	255.255.255.0
92	Xã Hương Phong	10.237.120.0/24	255.255.255.0
93	Xã Bình Thành	10.237.121.0/24	255.255.255.0
94	Xã Bình Điền	10.237.122.0/24	255.255.255.0
95	Xã Hương Bình	10.237.123.0/24	255.255.255.0
96	Xã Hương Thọ	10.237.124.0/24	255.255.255.0
97	UBND huyện Phong Điền	10.238.132.0 - 10.238.135.0	255.255.255.0
98	Phòng Giáo dục - Đào tạo Phong Điền	10.237.32.0/24	255.255.255.0
99	Phòng Nội vụ Phong Điền	10.237.33.0/24	255.255.255.0
100	Phòng Tài nguyên Môi trường Phong Điền	10.237.34.0/24	255.255.255.0
101	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phong Điền	10.237.35.0/24	255.255.255.0
102	Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Phong Điền	10.237.36.0/24	255.255.255.0
103	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội Phong Điền	10.237.37.0/24	255.255.255.0
104	Chi cục Thống kê Phong Điền	10.237.38.0/24	255.255.255.0

105	Phòng Công thương Phong Điền	10.237.39.0/24	255.255.255.0
106	Thị trấn Phong Điền	10.237.47.0/24	255.255.255.0
107	Xã Điền Lộc	10.237.48.0/24	255.255.255.0
108	Xã Điền Hương	10.237.49.0/24	255.255.255.0
109	Xã Phong Xuân	10.237.50.0/24	255.255.255.0
110	Xã Phong Mỹ	10.237.51.0/24	255.255.255.0
111	Xã Phong Bình	10.237.52.0/24	255.255.255.0
112	Xã Phong Hòa	10.237.53.0/24	255.255.255.0
113	Xã Phong Sơn	10.237.54.0/24	255.255.255.0
114	Xã Điền Môn	10.237.55.0/24	255.255.255.0
115	Xã Điền Hải	10.237.56.0/24	255.255.255.0
116	Xã Phong Hải	10.237.57.0/24	255.255.255.0
117	Xã Phong Hiền	10.237.58.0/24	255.255.255.0
118	Xã Điền Hòa	10.237.59.0/24	255.255.255.0
119	Xã Phong Thu	10.237.60.0/24	255.255.255.0
120	Xã Phong Chương	10.237.61.0/24	255.255.255.0
121	Xã Phong An	10.237.62.0/24	255.255.255.0
122	UBND huyện Quảng Điền	10.238.136.0 - 10.238.139.0	255.255.255.0
123	Phòng Giáo dục - Đào tạo Quảng Điền	10.237.63.0/24	255.255.255.0
124	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Điền	10.237.64.0/24	255.255.255.0
125	Phòng Tài nguyên Môi trường Quảng Điền	10.237.65.0/24	255.255.255.0
126	Phòng Tài chính Kế hoạch Quảng Điền	10.237.66.0/24	255.255.255.0
127	Chi cục Thống kê Quảng Điền	10.237.67.0/24	255.255.255.0
128	Phòng Văn hóa Thông tin Quảng Điền	10.237.68.0/24	255.255.255.0
129	Phòng Nội Vụ Quảng Điền	10.237.69.0/24	255.255.255.0
130	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội Quảng Điền	10.237.70.0/24	255.255.255.0
131	Phòng Y tế Quảng Điền	10.237.71.0/24	255.255.255.0
132	Phòng Công Thương Quảng Điền	10.237.72.0/24	255.255.255.0

133	Phòng Thanh tra Quảng Điền	10.237.73.0/24	255.255.255.0
134	Thị trấn Sịa	10.237.83.0/24	255.255.255.0
135	Xã Quảng Ngạn	10.237.84.0/24	255.255.255.0
136	Xã Quảng Công	10.237.85.0/24	255.255.255.0
137	Xã Quảng Thái	10.237.86.0/24	255.255.255.0
138	Xã Quảng Phú	10.237.87.0/24	255.255.255.0
139	Xã Quảng Lợi	10.237.88.0/24	255.255.255.0
140	Xã Quảng Thọ	10.237.89.0/24	255.255.255.0
141	Xã Quảng An	10.237.90.0/24	255.255.255.0
142	Xã Quảng Vinh	10.237.91.0/24	255.255.255.0
143	Xã Quảng Thành	10.237.92.0/24	255.255.255.0
144	Xã Quảng Phước	10.237.93.0/24	255.255.255.0
145	UBND huyện Phú Vang	10.238.144.0 - 10.238.147.0	255.255.255.0
146	Phòng Tài chính Kế hoạch Phú Vang	10.237.125.0/24	255.255.255.0
147	Phòng Y tế Phú Vang	10.237.126.0/24	255.255.255.0
148	Phòng Văn hóa Thông tin Phú Vang	10.237.127.0/24	255.255.255.0
149	Phòng Giáo dục - Đào tạo Phú Vang	10.237.128.0/24	255.255.255.0
150	Thị trấn Thuận An	10.237.138.0/24	255.255.255.0
151	Thị trấn Phú Đa	10.237.139.0/24	255.255.255.0
152	Xã Phú Dương	10.237.140.0/24	255.255.255.0
153	Xã Phú Mỹ	10.237.141.0/24	255.255.255.0
154	Xã Phú Thanh	10.237.142.0/24	255.255.255.0
155	Xã Vinh Thái	10.237.143.0/24	255.255.255.0
156	Xã Vinh Thanh	10.237.144.0/24	255.255.255.0
157	Xã Phú Xuân	10.237.145.0/24	255.255.255.0
158	Xã Vinh An	10.237.146.0/24	255.255.255.0
159	Xã Phú Thượng	10.237.147.0/24	255.255.255.0
160	Xã Phú Diên	10.237.148.0/24	255.255.255.0

161	Xã Vinh Phú	10.237.149.0/24	255.255.255.0
162	Xã Phú Mậu	10.237.150.0/24	255.255.255.0
163	Xã Vinh Xuân	10.237.151.0/24	255.255.255.0
164	Xã Phú An	10.237.152.0/24	255.255.255.0
165	Xã Phú Thuận	10.237.153.0/24	255.255.255.0
166	Xã Phú Hải	10.237.154.0/24	255.255.255.0
167	Xã Phú Hồ	10.237.155.0/24	255.255.255.0
168	Xã Vinh Hà	10.237.156.0/24	255.255.255.0
169	Xã Phú Lương	10.237.157.0/24	255.255.255.0
170	UBND huyện Phú Lộc	10.238.148.0 - 10.238.151.0	255.255.255.0
171	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Lộc	10.237.158.0/24	255.255.255.0
172	Phòng Tài nguyên Môi trường Phú Lộc	10.237.159.0/24	255.255.255.0
173	Phòng Tài chính Kế hoạch Phú Lộc	10.237.160.0/24	255.255.255.0
174	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội Phú Lộc	10.237.161.0/24	255.255.255.0
175	Phòng Giáo dục - Đào tạo Phú Lộc	10.237.162.0/24	255.255.255.0
176	Phòng Văn hóa Thông tin Phú Lộc	10.237.163.0/24	255.255.255.0
177	Phòng Y tế Phú Lộc	10.237.164.0/24	255.255.255.0
178	Thị trấn Phú Lộc	10.237.171.0/24	255.255.255.0
179	Thị trấn Lăng Cô	10.237.172.0/24	255.255.255.0
180	Xã Lộc Bình	10.237.173.0/24	255.255.255.0
181	Xã Vinh Giang	10.237.174.0/24	255.255.255.0
182	Xã Vinh Hưng	10.237.175.0/24	255.255.255.0
183	Xã Lộc Trì	10.237.176.0/24	255.255.255.0
184	Xã Vinh Hải	10.237.177.0/24	255.255.255.0
185	Xã Lộc Bồn	10.237.178.0/24	255.255.255.0
186	Xã Vinh Hiền	10.237.179.0/24	255.255.255.0
187	Xã Lộc Thủy	10.237.180.0/24	255.255.255.0
188	Xã Lộc An	10.237.181.0/24	255.255.255.0

189	Xã Lộc Vĩnh	10.237.182.0/24	255.255.255.0
190	Xã Lộc Sơn	10.237.183.0/24	255.255.255.0
191	Xã Lộc Hòa	10.237.184.0/24	255.255.255.0
192	Xã Lộc Tiến	10.237.185.0/24	255.255.255.0
193	Xã Vinh Mỹ	10.237.186.0/24	255.255.255.0
194	Xã Lộc Điền	10.237.187.0/24	255.255.255.0
195	Xã Xuân Lộc	10.237.188.0/24	255.255.255.0
196	UBND huyện A Lưới	10.238.152.0 - 10.238.155.0	255.255.255.0
197	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn A Lưới	10.237.189.0/24	255.255.255.0
198	Phòng Tài nguyên - Môi trường A Lưới	10.237.190.0/24	255.255.255.0
199	Phòng Giáo dục - Đào tạo A Lưới	10.237.191.0/24	255.255.255.0
200	Phòng Nội vụ A Lưới	10.237.192.0/24	255.255.255.0
201	Phòng Lao động Thương binh và Xã Hội A Lưới	10.237.193.0/24	255.255.255.0
202	Phòng Tài chính – Kế hoạch A Lưới	10.237.194.0/24	255.255.255.0
203	Phòng Văn hóa Thông tin A Lưới	10.237.195.0/24	255.255.255.0
204	Thị trấn A Lưới	10.237.204.0/24	255.255.255.0
205	Xã Hồng Thượng	10.237.205.0/24	255.255.255.0
206	Xã Hương Nguyên	10.237.206.0/24	255.255.255.0
207	Xã Hương Lâm	10.237.207.0/24	255.255.255.0
208	Xã Hồng Bắc	10.237.208.0/24	255.255.255.0
209	Xã Hồng Trung	10.237.209.0/24	255.255.255.0
210	Xã Sơn Thủy	10.237.210.0/24	255.255.255.0
211	Xã Hồng Thái	10.237.211.0/24	255.255.255.0
212	Xã Hồng Hạ	10.237.212.0/24	255.255.255.0
213	Xã A Đót	10.237.213.0/24	255.255.255.0
214	Xã A Ngo	10.237.214.0/24	255.255.255.0
215	Xã Hương Phong	10.237.215.0/24	255.255.255.0
216	Xã Hồng Vân	10.237.216.0/24	255.255.255.0

217	Xã Nhâm	10.237.217.0/24	255.255.255.0
218	Xã Hồng Kim	10.237.218.0/24	255.255.255.0
219	Xã Phú Vinh	10.237.219.0/24	255.255.255.0
220	Xã Đông Sơn	10.237.220.0/24	255.255.255.0
221	Xã Bắc Sơn	10.237.221.0/24	255.255.255.0
222	Xã Hồng Thủy	10.237.222.0/24	255.255.255.0
223	Xã Hồng Quảng	10.237.223.0/24	255.255.255.0
224	Xã A Roàng	10.237.224.0/24	255.255.255.0
225	UBND huyện Nam Đông	10.238.156.0 - 10.238.159.0	255.255.255.0
226	Phòng Tài Chính – Kế hoạch Nam Đông	10.237.225.0/24	255.255.255.0
227	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Đông	10.237.226.0/24	255.255.255.0
228	Phòng Công Thương Nam Đông	10.237.227.0/24	255.255.255.0
229	Phòng Nội vụ Nam Đông	10.237.228.0/24	255.255.255.0
230	Phòng Thanh Tra Nam Đông	10.237.229.0/24	255.255.255.0
231	Phòng Lao Động - Thương binh và Xã hội Nam Đông	10.237.230.0/24	255.255.255.0
232	Phòng Y tế Nam Đông	10.237.231.0/24	255.255.255.0
233	Phòng Văn hóa thông tin Nam Đông	10.237.232.0/24	255.255.255.0
234	Phòng Giáo dục và đào tạo Nam Đông	10.237.233.0/24	255.255.255.0
235	Phòng Tài nguyên – Môi trường Nam Đông	10.237.234.0/24	255.255.255.0
236	Thị trấn Khe Tre	10.237.241.0/24	255.255.255.0
237	Xã Hương Lộc	10.237.242.0/24	255.255.255.0
238	Xã Hương Phú	10.237.243.0/24	255.255.255.0
239	Xã Hương Sơn	10.237.244.0/24	255.255.255.0
240	Xã Thượng Long	10.237.245.0/24	255.255.255.0
241	Xã Thượng Quảng	10.237.246.0/24	255.255.255.0
242	Xã Thượng Nhật	10.237.247.0/24	255.255.255.0
243	Xã Hương Hữu	10.237.248.0/24	255.255.255.0
244	Xã Hương Giang	10.237.249.0/24	255.255.255.0

245	Xã Thượng Lộ	10.237.250.0/24	255.255.255.0
246	Xã Hương Hòa	10.237.251.0/24	255.255.255.0
	Các đơn vị thuộc Sở NT&PTNT		
247	Chi cục Nuôi trồng Thủy sản – Sở NNPTNT	10.237.9.0/24	255.255.255.0
248	Chi cục Thú y – Sở NNPTNT	10.237.10.0/24	255.255.255.0
249	Chi cục Thủy lợi và PCLB – Sở NNPTNT	10.237.13.0/24	255.255.255.0
250	Chi cục Lâm nghiệp – Sở NNPTNT	10.237.14.0/24	255.255.255.0
251	Chi cục Kiểm lâm – Sở NNPTNT	10.237.15.0/24	255.255.255.0
252	Chi cục Phát triển nông thôn – Sở NNPTNT	10.237.16.0/24	255.255.255.0
253	Chi cục KT và BVNL thủy sản– Sở NNPTNT	10.237.17.0/24	255.255.255.0
254	Chi cục QLCL nông lâm thủy sản – Sở NNPTNT	10.237.18.0/24	255.255.255.0
255	Chi cục Bảo vệ thực vật– Sở NNPTNT	10.237.19.0/24	255.255.255.0
256	Trạm thú y thị xã Hương Thủy	10.237.11.0/24	255.255.255.0
257	Trạm thú y huyện Phong Điền	10.237.46.0/24	255.255.255.0
258	Trạm thú y huyện Quảng Điền	10.237.82.0/24	255.255.255.0
259	Trạm thú y thị xã Hương Trà	10.237.108.0/24	255.255.255.0
260	Trạm thú y huyện Phú Vang	10.237.137.0/24	255.255.255.0
261	Trạm thú y huyện Phú Lộc	10.237.170.0/24	255.255.255.0
262	Trạm thú y huyện A Lưới	10.237.203.0/24	255.255.255.0
263	Trạm thú y huyện Nam Đông	10.237.240.0/25	255.255.255.0

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH